TÒA ÁN NHÂN DÂNCẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 938/2024/HS-PT
Ngày 28/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1131/2024/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2024 đối với các bị cáo Lê Đắc M, Trần Đình T, Vũ Văn L về tội "Cướp tài sản", do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 500/2024/HS-ST ngày 29 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Lê Đắc M; sinh năm 2000, tại Thái Bình; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn L, xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi ở trọ khi phạm tội: số nhà D, đường M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Đắc M1 và bà Đỗ Thị L1; gia đình có 02 anh em (bị cáo là con thứ nhất); chưa có vợ, con; chưa có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2024, tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố H; Có mặt.

2. Trần Đình T; sinh năm 1994, tại Hưng Yên; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: thôn Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; nơi ở trọ khi phạm tội: thôn V, xã Đ, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Trần Đình Q và bà Trần Thị T1; gia đình có 02 chị em (bị cáo là con thứ hai); có vợ là Vũ Thị H1 (sinh năm 1997, ly hôn năm 2019), bị cáo tự khai có 03 con (sinh các năm 2015, 2017 và 2018); chưa có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2024, tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; Có mặt.

3. Vũ Văn L; sinh năm 1995, tại Thái Nguyên; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: tổ dân phố T, phường N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên; nơi ở trọ khi phạm tội: thôn T, xã H, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn L2 và bà Lưu Thị Thanh P; gia đình có 03 anh em (bị cáo là con thứ nhất); chưa có vợ, con; chưa có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/01/2024, tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố H; Có mặt.

**** Người bào chữa cho các bị cáo do Tòa án chỉ định*:** Luật sư Đinh Anh T2 - Công ty L4, Đoàn luật sư thành phố H; Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Đỗ Đức Anh H2, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/01/2024, Lê Đắc M rủ và bàn bạc với Trần Đình T về việc lên mạng xã hội tìm người bán Đô la Mỹ (USD), hẹn gặp trực tiếp để mua bán rồi lợi dụng sơ hở chiếm đoạt tài sản; T đồng ý và rủ thêm Vũ Văn L cùng tham gia, cùng gặp nhau tại quán nước ở gần ngã tư đường T - Đ (phường M, N, Hà Nội) để bàn bạc, lên kế hoạch; Miền phân công T đứng ngoài cảnh giới, L và M trực tiếp giao dịch với người bán USD, L kiểm tra tiền và khi M đứng dậy thì L cầm tiền bỏ chạy; nếu người bán USD đuổi theo thì T ngăn cản để L chạy thoát.

Miền lên mạng xã hội hỏi mua 15.000 USD với giá 25.050 đồng/USD của 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân và lai lịch), hẹn đến nơi nhóm M đang ngồi để giao dịch. Khoảng 19 giờ cùng ngày, nam thanh niên bán USD đến điểm hẹn; trong khi L kiểm tra tiền USD thì M đứng lên theo kế quy ước nhưng L sợ và không dám giật tiền; nam thanh niên nghi ngờ, lấy lại tiền rồi yêu cầu kiểm tra số dư tài khoản thì M từ chối nên nam thanh niên này hủy bỏ giao dịch và rời đi.

Miền, L và T bàn nhau di chuyển đến đường C (phường P) để làm địa điểm giao dịch với người bán USD; M và L đi taxi trước, còn T bị say xe nên gọi xe ôm đi sau. T nhìn thấy Đỗ Đức A H2 điều khiển xe máy Honda Wave màu trắng (không đeo biển kiểm soát) đang đứng ven đường nên thuê H2 chở đến khu vực đường C; trên đường đi, T giới thiệu đang làm công việc về tài chính, có nhu cầu đi lại nhiều nên sẽ thuê H2 làm tài xế riêng và Hiệp đồng Ý. Cả nhóm gặp nhau tại quán nước gần cổng làng P (trên đường C), M và L ngồi 01 bàn, T và H2 ngồi bàn bên cạnh.

Miền tiếp tục lên mạng hỏi mua 15.000 USD với giá 25.050 đồng/USD của 01 người đàn ông trung niên (không rõ nhân thân và lai lịch), hẹn đến cổng làng P để giao dịch. Khoảng 15 phút sau, người đàn ông bán USD đến gặp L và M, chỉ

đưa từng tờ tiền USD cho L xem rồi thu lại và cất đi. Do thấy người này cảnh giác nên M và L không dám giật tiền mà ngồi nói chuyện. Trong khi L và M giao dịch với người bán USD thì T bảo H2 chở sang bên đường đối diện để chờ; khi sang đến nơi, H2 hỏi T *"Các anh làm gì thế"* thì T nói *"Bọn nó dàn cảnh để cướp"*. Sau khi người bán USD đã bỏ đi, M và L đi bộ sang vị trí T và H2 đang đứng đợi, M nói *"Thằng này lão làng rồi"* thì T và H2 đều hiểu là không cướp được tài sản. Sau đó, cả nhóm đi về khu vực L (phường H, H) uống rượu và thuê nhà nghỉ ở khu vực Đ (phường Đ, H) để ngủ.

Trong lúc uống rượu, M đã nảy sinh ý định thuê 01 căn hộ chung cư, mua thuốc mê rồi hẹn người bán USD đến căn hộ chung cư để sử dụng thuốc mê và cướp tài sản. Khoảng 08 giờ ngày 26/01/2024, M về nhà trọ của mình (số nhà D, đường M, phường M) rồi lên mạng tìm thuê căn hộ, thỏa thuận thuê được căn hộ S, tòa nhà S, khu đô thị V (phường T, N) của chị Nguyễn Thị L3, thời gian thuê từ 13 giờ đến 16 giờ cùng ngày với giá thuê là 450.000 đồng. Miền tiếp tục lên mạng đặt mua 02 lọ thuốc mê dạng nước đựng trong lọ thuỷ tinh *(01 lọ dạng pha nước uống và 01 lọ dạng xịt)* với giá là 1.400.000 đồng của một nam thanh niên *(không rõ nhân thân và lai lịch)*, hẹn nhận hàng tại sảnh tòa nhà S2.01. Miền lên mạng xã hội Facebook tìm và liên lạc qua số điện thoại 0389030829 hỏi mua 11.000 USD của anh Trần Xuân T3, hẹn đến căn hộ 2203, tòa nhà S (khu đô thị V) để giao dịch.

Sau đó, M gọi điện thoại cho T, L đến căn hộ trên để thống nhất cách thức hoạt động; do T đang ở cùng với H2 nên T bảo H2 chở đến điểm hẹn; trên đường đi, T nói với H2 *"Chở anh đi làm lại kèo hôm qua, anh sẽ không để em thiệt đâu"*. Khi đến tòa nhà S, T bảo H2 đứng ở sảnh tòa nhà chờ, còn T đi vào bên trong gặp M và L. Miền dẫn T và L lên căn hộ 2203, thông báo nội dung và phân công: T và H2 ở dưới sảnh toà nhà để cảnh giới, khi anh T3 đến thì báo lại cho M biết, nếu anh T3 đi từ hai người trở lên sẽ hủy bỏ giao dịch; M và L ở tại căn hộ pha thuốc mê vào nước uống, đánh thuốc mê và cướp tài sản.

Khoảng 14 giờ ngày 26/01/2024, quan sát thấy anh T3 đi một mình đến sảnh tòa nhà S2.01 nên T gọi điện thoại báo cho M biết; một lúc sau, L đi xuống đón anh T3 lên căn hộ 2203 rồi mời anh T3 ngồi xuống bàn uống nước; Miền đóng cửa, rót nước *(đã pha thuốc mê)* vào cốc mời anh T3 uống. Sau đó, M bảo với anh T3 *"Cho anh mượn mấy tờ tiền, anh chụp seri cho sếp anh kiểm tra"* nên anh T3 đưa cho M 10 tờ tiền loại 100 USD; Miền cầm điện thoại di động chụp ảnh các tờ tiền rồi bấm số, giả vờ gọi điện thoại và nói chuyển khoản để thanh toán tiền mua USD. Thấy anh T3 đã uống nước có pha thuốc mê nhưng biểu hiện vẫn bình thường nên M lấy lọ thuốc mê *(dạng xịt phun sương)* xịt liên tục vào mặt anh T3; L lao vào giữ tay anh T3 và nói *"Đưa hết tiền cho tao";* anh T3 bị cay mắt, cảm giác mệt mỏi, không có sức kháng cự và lo sợ bị xâm phạm tính mạng nên nói *"Em cho các anh hết, các anh cho em xuống";* L đã lấy được của anh T3

là 25.045.000 đồng tiền mặt, 11.000 USD và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 12.

Sau đó, L và M mang theo 02 lọ thuốc mê, đóng cửa phòng, đi thang máy xuống hầm B1; L vứt bỏ chiếc điện thoại của anh T3 (vì sợ có cài đặt định vị) rồi cùng M đi lên sảnh tòa nhà. Miền nhắn tin thông báo cho T đã cướp được tài sản và hẹn tập trung tại quán cà phê ở số nhà A, đường L (phường L, Đ, Hà Nội).

L và M đi xe ôm đến bến xe M rồi lại đi taxi đến quán cà phê ở A đường L; trên đường đi, M bảo L đưa 24.500.000 đồng và 1.000 USD để đi có việc rồi M xuống xe; L cầm 10.000 USD và 545.000 đồng tiếp tục đi đến điểm hẹn. Sau khi xuống xe, M vứt 02 lọ thuốc mê ở thùng đựng rác ven đường, cầm 1.000 USD đến cửa hàng vàng "C" ở số nhà B, đường M (phường M) và bán cho anh Nguyễn Cao C (chủ cửa hàng) được 24.600.000 đồng rồi đi đến điểm hẹn. Khi H2 chở T đến quán cà phê 1194 đường L thì gặp L; tại đây, L kể cho T và H2 nghe việc đã dùng thuốc mê để cướp tài sản và đưa 10.000 USD để T mang đi bán, L và H2 chờ tại quán cà phê. T mang 10.000 USD đến hiệu vàng "Khánh Thi" tại số A, phố T (do chị Nguyễn Hồng T4 là chủ cửa hàng), bán được 245.000.000 đồng và quay lại quán cà phê.

Tại quán cà phê, T chia cho M là 110.000.000 đồng, L là 33.000.000 đồng, T là 99.000.000 đồng và H2 là 3.000.000 đồng. Như vậy, M hưởng lợi là 169.100.000 đồng, L là 33.545.000 đồng, T là 99.000.000 đồng và H2 là 3.000.000 đồng. Sau đó, M sử dụng chi tiêu cá nhân hết 69.100.000 đồng; L chi tiêu hết 13.545.000 đồng và gửi Vũ Thị P1 (bạn gái của L) giữ hộ 20.000.000 đồng; T chi tiêu cá nhân hết 25.800.000 đồng và H2 đã chi tiêu cá nhân là 900.000 đồng.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường hồi 19 giờ 30 phút ngày 26/01/2024 xác định: Nơi xảy ra vụ việc tại phòng 2203, tòa S khu đô thị V, phường T, quận N, thành phố Hà Nội. Phòng 2203 có diện tích khoảng 50m^2 có 01 cửa ra vào bằng gỗ kích thước (2,5x1,2)m cửa có khóa mã số, vân tay còn nguyên vẹn, không có dấu hiệu bị cậy phá. Phía trong sát cửa ra vào là khu nấu ăn và nhà vệ sinh. Sát tường trong, đối diện cửa ra vào là khu kê 01 bộ bàn ghế sofa và kệ để tivi. Phía bên trái (từ cửa vào) là khu vực phòng ngủ. Toàn bộ đồ vật, tài sản phía trong phòng không có dấu hiệu bị lục soát, xáo trộn.

Cơ quan điều tra đã thu giữ các vật chứng: Thu giữ của Vũ Văn L: 01 điện thoại di động Samsung A12 màu đen *(của L),* 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xanh *(gắn số sim 0389030829, tại vị trí cột C14 hầm B1 tòa nhà S2.01, của bị hại T3)* và 20.000.000 đồng *(gửi chị Vũ Thị P1 và P1 đã trả lại)*; Thu giữ của Lê Đắc M: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu bạc và 90.000.000 đồng; Thu giữ của Trần Đình T: 01 điện thoại di động OPPO F11 pro màu xanh và 73.200.000 đồng; Thu giữ của Đỗ Đức Anh H2: 01 điện thoại di động S 10 plus màu bạc, 01 xe máy Honda Wave màu trắng *(không đeo biển kiểm soát)* và

2.100.000 đồng; anh Nguyễn Cao C giao nộp 1.000 USD đã mua của M.

Đối với 02 vỏ lọ thuốc mê do M đã sử dụng và vứt bỏ: Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ các vật chứng nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 45 ngày 14/12/2024 xác định: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max *(512 GB, màu xanh, đã qua sử dụng)* trị giá là 12.500.000 đồng; 01 sim điện thoại thuê bao số 0389030829 trị giá là 25.000 đồng.

Tại Công văn số 2880 ngày 11/4/2024, Ngân hàng N cung cấp: Tỷ giá trung tâm của VND với USD áp dụng cho ngày 26/01/2024 là 24.036 VND/USD.

Như vậy, Lê Đắc M và đồng phạm chiếm đoạt của anh Trần Xuân T3 (24.036 x 11.000 + 25.045.000 + 12.500.000 + 25.000) là 301.966.000 đồng.

Đối với chiếc xe máy Honda Wave màu trắng do Đỗ Đức Anh H2 sử dụng: kết quả xác minh xác định chiếc xe này có số khung 079310 và số máy 0108613, đều là nguyên thủy; ngày 27/12/2023, H2 mua xe máy tại cửa hàng của Công ty TNHH T6 (số A, đường P, phường M); H2 đã làm thủ tục đăng ký tại Công an xã Đ (C, Phú Thọ) nhưng chưa được cấp biển kiểm soát.

Đối với 10.000 USD đã chiếm đoạt: T khai nhận bán số USD này tại cửa hàng vàng "Khánh Thi" của chị Nguyễn Hồng T4 nhưng T không nhận dạng được người đã giao dịch mua USD của mình. Chị T4 khai nhận: ngày 26/01/2024, cửa hàng của chị T4 không mua hoặc bán USD với ai, chị T4 không quen biết và chưa từng gặp Trần Đình T. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Hồng T4 về hành vi Mua bán ngoại tệ. Do không xác định được người đã mua USD của T nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Trần Đình T về hành vi mua bán ngoại tệ.

Đối với anh Trần Xuân T3: có hành vi cầm 11.000 USD để bán nhưng chưa kịp giao dịch thì bị cướp tài sản; do đó, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Trần Xuân T3 về hành vi mua bán ngoại tệ.

Đối với Nguyễn Cao C: ngày 26/01/2024, C đã mua của Lê Đắc M là 1.000 USD với giá là 24.600.000 đồng tại của hàng vàng (số nhà B, đường M, phường M) nhưng không biết gì về hành vi phạm tội của M nên không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; vì vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự đối với Nguyễn Cao C. Ngày 07/02/2024, Ủy ban nhân dân quận N ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Đắc M và Nguyễn Cao C về hành vi Mua bán ngoại tệ theo hình thức phạt tiền đối với mỗi đối tượng là 15.000.000 đồng; Nguyễn Cao C đã nộp phạt ngày 27/02/2024; Lê Đắc M bị tạm giam nên chưa nộp phạt.

Đối với Vũ Thị P1: khi Vũ Văn L gửi cầm hộ 20.000.000 đồng thì chị P1 không biết là tài sản phạm pháp nên không phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người

khác phạm tội mà có". Vì vậy, cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Vũ Thị P1.

Quá trình điều tra, ông Lê Đắc M1 (bố của Lê Đắc M) giao nộp là 69.100.000 đồng, chị Đỗ Thị P2 (chị gái của Đỗ Đức Anh H2) giao nộp 900.000 đồng, chị Nguyễn Thị T5 (bạn gái của Trần Đình T) giao nộp 21.000.000 đồng; tổng cộng là 276.300.000 đồng, để khắc phục hậu quả thay M và các đồng phạm.

Ngày 24/5/2024, cơ quan điều tra đã trao trả cho anh Nguyễn Cao C là 24.600.000 đồng; trao trả cho anh Trần Xuân T3 là 251.700.000 đồng, 01 điện thoại di động và 1.000 USD; người bị hại Trần Xuân T3 còn yêu cầu bồi thường là 18.345.000 đồng và đề nghị xử lý Lê Đắc M cùng các đồng phạm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của Lê Đắc M đã gây thương tích cho anh T3: Miền đã dùng lọ thuốc mê (dạng xịt phun sương) xịt liên tục vào mặt, làm anh T3 bị cay mắt; anh T3 không có yêu cầu nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý Lê Đắc M về hành vi "Cố ý gây thương tích".

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 12 Promax màu xanh (gắn số sim 0389030829; thu giữ của Vũ Văn L): Kết quả điều tra xác định là tài sản của anh Trần Xuân T3 nên ngày 06/3/2024, cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng và trả lại chiếc điện thoại này cho anh T3.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 500/2024/HS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Đắc M, Trần Đình T, Vũ Văn L phạm tội "Cướp tài sản".

* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38 và 58 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Lê Đắc M 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Đình T 13 (mười ba) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2024.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn L 15 (mười lăm) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2024.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Đắc M, Trần Đình T và Vũ Văn L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với Đỗ Đức Anh H2, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/9/2024, các bị cáo Lê Đắc M, Trần Đình T, Vũ Văn L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo Trần Đình T tự nguyện xin rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Các bị cáo Lê Đắc M, Vũ Văn L giữ nguyên kháng cáo; không xuất trình thêm tình tiết mới, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo L và M đều khai thống nhất T là người rủ L và chủ động nhận nhiệm vụ, giao L đi cùng M để thực hiện hành vi cướp. Việc chia tiền cũng do T chủ động, chia sau khi có thông báo cho M.

Người bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo tuổi trẻ bồng bột nên trót phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo L có vai trò thấp hơn nên đề nghị giảm nhẹ hơn so với T; xử phạt bị cáo M mức án bằng bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị cáo Lê Đắc M, Trần Đình T, Vũ Văn L trong thời hạn luật định, hình thức nội dung phù hợp nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Xét nội dung kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự; áp dụng tình tiết thành khẩn khai khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51, hoàn cảnh gia đình khó khăn theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Phần hình phạt Toà án cấp sơ thẩm quyết định đã phù hợp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo M, T, L. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên quyết định về hình phạt của bản án sơ thẩm. Tuy nhiên bản án sơ thẩm phân hoá vai trò và quyết định hình phạt đối với T và L chưa phù hợp. L có vai trò thấp hơn nhưng hình phạt lại cao hơn T là chưa đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử nhận định trong bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người bào chữa, các bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà, bị cáo Trần Đình T tự nguyện xin rút đơn kháng cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, luật sư, đình chỉ xét xử phúc thẩm với yêu cầu kháng cáo của bị cáo T.

[3]. Về nội dung: Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Đắc M, Vũ Văn L, Hội đồng xét xử thấy: Tại phiên toà, bị cáo M, L đều khai nhận tội, phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được. Đủ cơ sở kết luận: Toà án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lê Đắc M, Vũ Văn L về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 168 Bộ luật hình sự, là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo Lê Đắc M và các đồng phạm là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm tài sản của người khác, đe dọa xâm mạng tính mạng, sức khỏe của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Sau hai lần dàn cảnh để cướp mà chưa thực hiện được, nên các bị cáo lại nghĩ thêm, bàn nhau thực hiện thủ đoạn tinh vi, phức tạp hơn để chiếm đoạt bằng được tài sản của người bị hại. Do đó cần xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo.

[5]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả; có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Toà án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo theo các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H2 còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự người bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo M, T, L không được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, thân thích của các bị cáo không có ai là liệt sĩ, hoặc có thành tích xuất sắc được Nhà nước tặng một trong các danh hiệu vinh dự… hoặc có tình tiết tương tự theo hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2000 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Nhưng Toà án cấp sơ thẩm vẫn vận dụng tình tiết có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự để áp dụng cho các bị cáo theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bất kỳ một công dân nào cũng phải có nghĩa vụ sống chấp hành theo Hiến pháp và pháp luật để không bị xử lý hình sự, hành chính. Để được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo phải có các tình tiết giảm nhẹ đặc biệt hơn những công dân bình thường và chưa được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, việc áp dụng tình tiết giảm nhẹ này chưa phù hợp, cần phải rút kinh nghiệm.

[6]. Đánh giá vai trò và quyết định hình phạt của Toà án cấp sơ thẩm đối với các bị cáo: Trong vụ án này, bị cáo M có vai trò đầu vụ, chỉ đạo tích cực cùng bị cáo T, sắp xếp địa điểm, chuẩn bị phương tiện và trực tiếp cướp tài sản. Bị cáo T có vai trò tích cực tiếp theo, là người rủ thêm bị cáo L và bị cáo H2, hưởng lợi nhiều sau bị cáo M. Đặc biệt, tuy mới quen biết, nhưng bị cáo đã lôi kéo được H2 để cùng tham gia vào việc phạm tội. Toà án cấp sơ thẩm phân hoá vai trò và áp dụng hình phạt cho các bị cáo chưa tương xứng. Bị cáo T có vai trò cao hơn, là người rủ rê lôi kéo các bị cáo L, H2 tham gia phạm tội. T là người gọi L đến giao cho L việc lên phòng cùng M để thực hiện hành vi cướp tài sản, tự nhận việc đứng ngoài cùng H2. T là người quyết định việc chia tiền hưởng lợi, sau khi thông báo

cho M. T hưởng lợi nhiều hơn L nhưng lại có mức hình phạt thấp hơn L. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo L một phần hình phạt.

[7]. Trong vụ án này, bị cáo L có vai trò thấp hơn, bị cáo T có vai trò cao hơn và hưởng lợi nhiều hơn nhưng lại được quyết định mức bồi thường ít hơn bị cáo L là chưa phù hợp (Toà án sơ thẩm buộc bị cáo T phải bồi thường ¼ và bị cáo L phải bồi thường ¾ của số tiền 18.345.000 đồng còn phải tiếp tục bồi thường). Trong phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể quyết định hình phạt nặng hơn đối với bị cáo T, việc quyết định mức bồi thường cho các bị cáo của Toà án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

[8]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[9] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Đắc M phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Trần Đình T rút kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Vũ Văn L kháng cáo được chấp nhận nên không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355 (đối với bị cáo T); điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 (đối với bị cáo M); điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 (đối với bị cáo L) Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm với kháng cáo của bị cáo Trần Đình T, quyết định về hình phạt đối với bị cáo T của Bản án hình sự sơ thẩm số 500/2024/HS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật đối với bị cáo Trần Đình T kể từ ngày 28/11/2024.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Đắc M; Giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 500/2024/HS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo Lê Đắc M;

3. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Văn L; Sửa phần quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 500/2024/HS-ST ngày 29/8/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với bị cáo L; cụ thể như sau:

* Tuyên bố: Các bị cáo Lê Đắc M, Vũ Văn L phạm tội "Cướp tài sản"

* Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 168, các điểm b và s khoản 1, khoản 2 Điều 51, các Điều 38 và 58 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lê Đắc M 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2024.

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn L 14 (mười bốn) năm 06 (sáu tháng) tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27/01/2024.

4. Về án phí: Bị cáo Lê Đắc M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Trần Đình T, Vũ Văn L không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- TTG số 1 - CATP Hà Nội;
- Công an Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Các bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến